

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT, NGƯỜI LIÊN QUAN, DIỆN TÍCH ĐẤT DỰ KIẾN THU HỒI
LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG, TỜ BẢN ĐỒ, THỪA ĐẤT THU HỒI ĐỂ GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ YÊN, THỊ TRẤN TỨ KỲ, HUYỆN TỨ KỲ**

Địa bàn: Xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Tứ Kỳ)

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m²)				Địa chỉ thửa đất
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m²)	Trong đó		
						Diện tích thực hiện dự án (m²)	Diện tích còn lại (m²)	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
1	Đặng Văn Hưng Đặng Thị Diễm	5	913	LUC	82.0	82.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
2	Phạm Văn Thắng Nguyễn Thị Nga	5	915	LUC	137.0	137.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
3	Đặng Văn Thước Tiêu Thị Nhung	5	917	LUC	72.0	72.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
4	Đặng Thị Vượng	5	918	LUC	96.0	96.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
5	Phạm Như Ninh Nguyễn Thị Hải Lý	5	920	LUC	209.0	209.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
6	Đặng Thị Kim	5	921	LUC	229.0	229.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
7	Đặng Văn Tuy	5	922	LUC	144.0	83.8	60.2	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
8	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	5	923	LUC	144.0	80.6	63.4	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
9	Đặng Thị Lan	5	924	LUC	72.0	37.4	34.6	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
10	Bàng Thị Việt	5	925	LUC	60.0	30.5	29.5	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			962	LUC	256.0	256.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			959	LUC	76.8	76.8	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
11	Nguyễn Văn Lan Nguyễn Thị Ba	5	926	LUC	60.0	28.3	31.7	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m²)				Địa chỉ thửa đất
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m²)	Trong đó		
						Diện tích thực hiện dự án (m²)	Diện tích còn lại (m²)	
12	Vương Văn Miễn	5	928	LUC	96.0	57.2	38.8	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
13	Tiêu Văn Trung Đặng Thị Hoa	5	951	LUC	600.0	552.2	47.8	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			953	LUC	312.0	312.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			975	CLN+NTS	2,649.1	1,538.4	1,110.7	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
14	Doãn Thị Nga	5	952	LUC	264.0	264.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
15	Nguyễn Thị Pha	5	954	LUC	64.0	64.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
16	Đặng Văn Đới	5	955	LUC	408.0	408.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			972	LUC	223.0	223.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
17	Đặng Văn Bình Nguyễn Thị Dung	5	956	LUC	117.6	117.6	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
18	Trần Tiến Hùng Nguyễn Thị Phải	5	957	LUC	76.8	76.8	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			963	LUC	160.5	160.5	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
19	Đặng Văn Bền; Nguyễn Thị Lữ	5	958	LUC	156.0	156.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
20	Trần (Thoả)	5	960	LUC	215.6	215.6	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
21	Đặng Văn Dung	5	961	LUC	96.8	96.8	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
22	Tiêu Lâm Thuỷ Trần Thị Liêm	5	966	LUC	264.0	264.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			971	LUC	300.0	300.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			970	LUC	235.0	235.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			964	LUC	106.0	106.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
23	Nguyễn Trung Thành Nguyễn Thị Nhu	5	965	CLN+NTS	1,190.6	440.0	750.6	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
24	Đặng Văn Tuấn	5	968	LUC	148.0	148.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
25	Phạm Như Bồi Đặng Thị Vinh	5	969	LUC	312.0	312.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m²)				Địa chỉ thửa đất
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m²)	Trong đó		
						Diện tích thực hiện dự án (m²)	Diện tích còn lại (m²)	
26	Nguyễn Văn Dư Nguyễn Thị Liên	5	973	LUC	192.0	192.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
27	Nguyễn Văn Bưởi Nguyễn Thị Sợi	5	994	LUC	96.0	96.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
28	Dương Văn Quốc	5	997	LUC	135.0	135.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
29	Nguyễn Văn Mười Vương Thị Huệ	5	1022	LUC	132.0	132.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
30	Phùng Thị Ngọc Yến	5	1023	LUC	360.0	360.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
31	Nguyễn Quang Tuyên (Uyển)	5	967	LUC	432.0	178.1	253.9	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		9	2	LUC	336.0	117.5	218.5	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
			4	LUC	408.0	145.0	263.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
32	Trần Văn Thao (Đặng Thị Húc)	48	3	CLN+NTS	2,996.1	703.8	2,292.3	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
33	Nguyễn Thị Lý	9	1130	LUC	768.0	768.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
34	UBND xã (Nguyễn Thị Lý)	9	5	CLN+NTS	2,139.1	1,786.6	352.5	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
34	UBND xã	5	695	DGT	490.6	490.6	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	905	DTL	116.5	116.5	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	907	LUC	51.9	32.3	19.6	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	912	DTL	93.0	93.0	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	991	LUC	178.2	79.5	98.7	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	995	LUC	54.5	54.5	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	996	LUC	192.6	192.6	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
		5	1021	DGT	182.5	182.5	0.0	Thôn La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ
Tổng					18,986.8	13,321.0	5,665.8	

Ghi chú

10

[illegible]

[illegible]